|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC GIANG** Số: 10/NQ-HĐND | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Bắc Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Các dự án cần thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên: Tổng số 12 dự án, tổng diện tích 560,59 ha, trong đó: Diện tích đất trồng lúa là 469,65 ha, Diện tích đất khác là 90,94 ha.

*(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)*

2. Các dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, có sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20,0 ha: Tổng số 161 dự án, tổng diện tích 283,6 ha, trong đó: Đất trồng lúa 198,3 ha; Đất khác 85,3 ha.

*(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)*

3. Các dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013, có sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20,0 ha: Tổng số 132 dự án, tổng diện tích đất trồng lúa 157,88 ha; Đất khác 53,88 ha.

*(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)*

4. Các dự án chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa dưới 10,0 ha theo điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 nhưng không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất hoặc đất quốc phòng, an ninh thu hồi theo Điều 61 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số 20 dự án với tổng diện tích 15,53 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa 9,68 ha; diện tích đất khác 5,85 ha.

*(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo)*

5. Các dự án, công trình điều chỉnh tên, diện tích và địa điểm so với Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022, Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh: Tổng số 65 dự án, tổng diện tích đất thu hồi sau điều chỉnh 314,7 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa 217,1 ha, diện tích đất khác 97,5 ha; Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sau điều chỉnh 141,4 ha, diện tích đất khác sau điều chỉnh 76,2 ha.

(Chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo)

6. Các dự án công trình đưa ra khỏi danh mục Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Tổng số 5 dự án, tổng diện tích đất thu hồi 14,6 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa 11,1 ha, diện tích đất khác là 3,5 ha. Diện tích đất trồng lúa chuyển mục đích sử dụng 10,5 ha, diện tích đất khác 3,5 ha.

*(Chi tiết tại Biểu số 06 kèm theo)*

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 10 thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;  - Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;  - Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;  - Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;  - Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;  - Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, TP;  - Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;  - Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh  - Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - L­ưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH**  **Lê Thị Thu Hồng** |